

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

| STT      | Tiêu chuẩn  | Điểm tối đa | Thang điểm chi tiết   | Mức điểm yêu cầu tối thiểu |
|----------|---|-------------|---|----------------------------|
| <b>1</b> | <b>Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật tư, vật liệu xây dựng so với yêu cầu của E-HSMT:</b>   | <b>10</b>   |   | <b>7</b>                   |
| 1.1      | Đối với các vật tư, vật liệu, thiết bị chính: (theo yêu cầu tại 6.2 Mục III – Chương V – E-HSMT): Có kê khai nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng tương ứng còn hiệu lực;  | 6           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không nêu hoặc nêu không đúng: 0 điểm.</li> <li>- Có nêu nhưng sơ sài, thiếu: 2 điểm.</li> <li>- Có nêu đầy đủ, tương đối chi tiết: 4 điểm.</li> <li>- Có nêu đầy đủ chi tiết: 6 điểm.</li> </ul>                                  |                            |
| 1.2      | Có hợp đồng nguyên tắc của đơn vị cung cấp (nếu có) kèm theo giấy phép đăng ký kinh doanh về vật tư, vật liệu chính theo đúng đề xuất và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định.  | 4           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không có đủ hợp đồng nguyên tắc theo yêu cầu: 0 điểm.</li> <li>- Có đủ hợp đồng nguyên tắc theo yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng phù hợp: 4 điểm.</li> </ul>   |                            |
| <b>2</b> | <b>Giải pháp kỹ thuật thi công:</b>   | <b>10</b>   |   | <b>7</b>                   |
| 2.1      | <p>Tổ chức mặt bằng công trường: Tổ chức mặt bằng công trường (bản vẽ kèm theo thuyết minh) phải thể hiện được đầy đủ các yếu tố sau:</p> <p>a) Mặt bằng công trình, vị trí thiết bị thi công, nhà ban chỉ huy, lán trại, phòng thí nghiệm, kho bãi tập kết vật liệu...;</p> <p>b) Bố trí rào chắn, biển báo;</p> <p>c) Giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công.</p> <p>d) Vị trí ban chỉ huy công trường: Nhà thầu phải có thuyết minh vị trí Ban chỉ huy công trường rõ ràng, cụ thể, hợp lý và khả thi với hiện trạng dự án.</p> | 5           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không nêu hoặc nêu không đúng: 0 điểm.</li> <li>- Có nêu các nội dung nhưng sơ sài, thiếu: 2 điểm.</li> <li>- Có nêu đủ các nội dung, tương đối chi tiết: 4 điểm.</li> <li>- Nêu đầy đủ, chi tiết các nội dung: 5 điểm.</li> </ul> |                            |
| 2.2      | Giải pháp thi công các hạng mục chính: Xây dựng các khối nhà; cung cấp và lắp đặt thiết bị; phòng cháy chữa cháy; hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà; hoàn trả mương ... theo hồ sơ thiết kế phù hợp với yêu cầu  | 5           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không nêu hoặc nêu không đúng: 0 điểm.</li> <li>- Có nêu các nội dung nhưng sơ sài, thiếu: 2 điểm.</li> <li>- Có nêu đủ các nội dung, tương đối chi tiết: 4 điểm.</li> </ul>   |                            |

|          |   |           |   |             |
|----------|---|-----------|---|-------------|
|          | chương V, E-HSMT.   |           | - Nêu đầy đủ, chi tiết các nội dung: 5 điểm.  |             |
| <b>3</b> | <b>Biện pháp tổ chức thi công</b>   | <b>30</b> |   | <b>21</b>   |
| 3.1      | Hệ thống tổ chức:<br>- Sơ đồ hệ thống tổ chức của Nhà thầu tại công trường; Các bộ phận quản lý tiến độ, kỹ thuật, hành chính kế toán, chất lượng, vật tư, an toàn...các tổ đội thi công.<br>- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường. | 10        | - Không nêu hoặc nêu không đúng: 0 điểm.<br>- Có nêu các nội dung nhưng sơ sài, thiếu: 4 điểm.<br>- Có nêu đủ các nội dung, tương đối chi tiết: 7 điểm.<br>- Nêu đầy đủ, chi tiết các nội dung: 10 điểm.  |             |
| 3.2      | Biện pháp thi công xây dựng: Mô tả biện pháp, công nghệ thi công, bản vẽ biện pháp thi công các hạng mục công trình theo giải pháp thi công Nhà thầu đã đề xuất (tại STT 2.2) phù hợp với hồ sơ thiết kế và yêu cầu chương V, E-HSMT.   | 20        | - Không nêu hoặc nêu không đúng: 0 điểm.<br>- Có nêu các nội dung nhưng sơ sài, thiếu: 10 điểm.<br>- Có nêu đủ các nội dung, tương đối chi tiết: 15 điểm.<br>- Nêu đầy đủ, chi tiết các nội dung: 20 điểm.  |             |
| <b>4</b> | <b>Tiến độ thi công</b>   | <b>18</b> |   | <b>12,6</b> |
| 4.1      | Đề xuất tiến độ thi công đáp ứng yêu cầu của E- HSMT. Tiến độ thi công không vượt quá 240 ngày, có tính đến điều kiện thời tiết.<br>Bảng chia tiến độ thi công các hạng mục phù hợp với thuyết minh thi công tổng thể công trình. Trình tự thi công các hạng mục công việc hợp lý.  | 5         | - Thời gian hoàn thành công trình lớn hơn 240 ngày hoặc bảng chia tiến độ thi công các hạng mục không phù hợp với thuyết minh thi công tổng thể công trình hoặc trình tự thi công các hạng mục công việc không hợp lý: 0 điểm.<br>- Thời gian hoàn thành công trình $\leq 240$ ngày. Bảng chia tiến độ thi công các hạng mục chưa đầy đủ và phù hợp với thuyết minh thi công tổng thể công trình. Trình tự thi công các hạng mục công việc chưa hợp lý: 1,5 điểm.<br>- Thời gian hoàn thành công trình $\leq 240$ ngày. Bảng chia tiến độ thi công các hạng mục đầy đủ tương đối phù hợp với thuyết minh thi công tổng thể công trình. Trình tự thi công các hạng mục công việc tương đối hợp lý: 4 điểm.<br>- Thời gian hoàn thành công trình $\leq 240$ ngày. Bảng chia tiến độ thi công đầy đủ các hạng mục phù hợp với thuyết minh thi công tổng thể công |             |

|          |   |           |   |            |
|----------|---|-----------|---|------------|
|          |   |           | trình. Trình tự thi công các hạng mục công việc hợp lý: 5 điểm.   |            |
| 4.2      | Có đề xuất rút ngắn thời gian thi công so với yêu cầu của E-HSMT.   | 5         | - Không đề xuất giảm thời gian thi công so với yêu cầu của E-HSMT: 0 điểm.<br>- Đề xuất tiến độ thi công giảm 02 ngày được cộng thêm 0,5 điểm và cộng tối đa không quá 05 điểm: tối đa 5 điểm.  |            |
| 4.3      | Có biểu đồ huy động nhân lực, thiết bị thi công và biểu đồ cung cấp các vật liệu thi công chính, cấu kiện sẵn/ thiết bị phù hợp với tiến độ thi công và thuyết minh nhà thầu đã trình bày. Nội dung trình bày phù hợp với yêu cầu chương V, E-HSMT và phải đảm bảo hợp lý về:<br>+ Trình tự thi công các hạng mục hợp lý, khả thi và phù hợp với thuyết minh biện pháp thi công và điều kiện cụ thể của công trình;<br>+ Biểu đồ huy động nhân lực, thiết bị thi công theo thời gian thi công hợp lý, khả thi và phù hợp đề xuất của Nhà thầu;<br>+ Biểu đồ huy động vật liệu thi công chính, cấu kiện sẵn/ thiết bị lắp đặt theo thời gian thi công hợp lý, khả thi và phù hợp đề xuất của Nhà thầu; | 5         | - Thiếu một trong các nội dung bên hoặc không hợp lý: 0 điểm.<br>- Có đủ các nội dung trên nhưng chưa phù hợp với tiến độ thi công: 1,5 điểm.<br>- Trình tự thi công, biểu đồ huy động nhân lực, huy động thiết bị thi công, vật tư, thiết bị tương đối hợp lý, khả thi: 4 điểm.<br>- Trình tự thi công, biểu đồ huy động nhân lực, huy động thiết bị thi công, vật tư, thiết bị hợp lý, khả thi: 5 điểm. |            |
| 4.4      | Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công, duy trì thi công khi mất điện, các trường hợp bất khả kháng (thiên tai, dịch bệnh...) đảm bảo thiết bị trên công trường hoạt động liên tục.   | 3         | - Không trình bày hoặc trình bày nhưng không hợp lý khả thi: 0 điểm.<br>- Có trình bày nhưng sơ sài: 1 điểm.<br>- Có trình bày tương đối đầy đủ và tương đối chi tiết: 2 điểm.<br>- Trình bày đầy đủ và chi tiết: 3 điểm.   |            |
| <b>5</b> | <b>Biện pháp bảo đảm chất lượng</b>   | <b>12</b> |   | <b>8,4</b> |
| 5.1      | Biện pháp bảo đảm chất lượng vật tư, vật liệu, nguyên liệu đầu vào;<br>- Lập quy trình kiểm soát chất lượng đối với vật liệu, sản phẩm, cấu kiện sử dụng cho công trình xây dựng.<br>- Có phòng thí nghiệm LAS-XD cho gói thầu kèm theo các tài liệu  | 5         | - Không nêu hoặc nêu không đúng hoặc không có phòng thí nghiệm LAS- XD cho gói thầu: 0 điểm.<br>- Có nêu nhưng sơ sài. Có phòng thí nghiệm LAS-XD cho gói thầu: 2 điểm.<br>- Có nêu đầy đủ, tương đối chi   |            |

|     |  |    |  |            |
|-----|--|----|--|------------|
|     | chứng minh năng lực cho phòng thí nghiệm LAS-XD. Nếu đi thuê phải có tài liệu chứng minh khả năng huy động.  |    | tiết. Có phòng thí nghiệm LAS-XD cho gói thầu: 4 điểm.<br>- Có nêu đầy đủ chi tiết. Có phòng thí nghiệm LAS-XD cho gói thầu: 5 điểm.   |            |
| 5.2 | Biện pháp kiểm soát, đảm bảo chất lượng cho từng công tác thi công   | 4  | - Không nêu hoặc nêu không đúng: 0 điểm.<br>- Có nêu các nội dung nhưng sơ sài, thiếu: 2 điểm.<br>- Có nêu đầy đủ, tương đối chi tiết: 3 điểm.<br>- Nêu đầy đủ, chi tiết các nội dung: 4 điểm. |            |
| 5.3 | Biện pháp, quy trình quản lý chất lượng thi công: chuẩn bị tài liệu làm căn cứ nghiệm thu; lập phiếu yêu cầu nghiệm thu, nghiệm thu công việc, giai đoạn thi công; lập và ghi nhật ký thi công xây dựng công trình theo quy định; lập bản vẽ hoàn công   | 3  | - Không nêu hoặc nêu không đúng: 0 điểm.<br>- Có nêu nhưng sơ sài, thiếu: 1 điểm.<br>- Có nêu đầy đủ, tương đối chi tiết: 2 điểm.<br>- Có nêu đầy đủ chi tiết: 3 điểm.                         |            |
| 6   | <b>Đảm bảo vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động, an toàn về điện trong quá trình thi công</b>  | 12 |  | <b>8,4</b> |
| 6.1 | Vệ sinh môi trường:<br>* Có các biện pháp cụ thể nhằm hạn chế hoặc triệt để tác động xấu đến môi trường xung quanh và đảm bảo các yếu tố khác trong quá trình thi công.<br>- Tiếng ồn, bụi và khói, kiểm soát nước thải, rác thải, vệ sinh;<br>- Đảm bảo trật tự, trị an trong quá trình xây dựng;<br>- Hoàn trả mặt bằng, các công trình dân dụng (nếu có) sau khi thi công xong.<br>- Công tác vệ sinh công nghiệp công trình trước khi bàn giao.<br>* Nhà thầu có phương án cụ thể về công tác bố trí bãi thải, bãi tập kết vật liệu đảm bảo vệ sinh môi trường khi thi công công trình, kèm theo hồ sơ bãi đổ thải nhà thầu đề xuất dự kiến. | 4  | - Không nêu đầy đủ các nội dung hoặc nêu không đúng: 0 điểm.<br>- Có nêu nhưng sơ sài, thiếu: 1 điểm.<br>- Có nêu đầy đủ, tương đối chi tiết: 3 điểm.<br>- Có nêu đầy đủ chi tiết: 4 điểm.     |            |
| 6.2 | Phòng chống cháy nổ:<br>- Có nêu và áp dụng các quy định,  | 4  | - Không nêu hoặc nêu không đúng: 0 điểm.   |            |

|     |  |            |  |            |
|-----|--|------------|--|------------|
|     | <p>quy chuẩn, tiêu chuẩn về phòng cháy, chữa cháy còn hiệu lực cho gói thầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có các trình bày nội dung giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy, nổ.</li> </ul>  |            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có nêu nhưng sơ sài, thiếu: 1 điểm.</li> <li>- Có nêu đầy đủ, tương đối chi tiết: 3 điểm.</li> <li>- Có nêu đầy đủ chi tiết: 4 điểm.</li> </ul>   |            |
| 6.3 | <p>An toàn lao động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động.</li> <li>- Có biện pháp bảo đảm an toàn lao động cho từng công đoạn thi công.</li> <li>- Biện pháp an toàn giao thông ra vào công trường.</li> <li>- Bảo đảm an ninh công trường, quản lý nhân sự, thiết bị và an toàn cho cư dân xung quanh.</li> </ul> | 4          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không nêu hoặc nêu không đúng: 0 điểm.</li> <li>- Có nêu nhưng sơ sài, thiếu: 1 điểm.</li> <li>- Có nêu đầy đủ, tương đối chi tiết: 3 điểm.</li> <li>- Có nêu đầy đủ chi tiết: 4 điểm.</li> </ul>   |            |
| 7   | <b>Bảo hành, bảo trì và uy tín của nhà thầu:</b>   | 8          |  | <b>5,6</b> |
| 7.1 | <p>Có giải pháp bảo hành công trình hợp lý, cụ thể sau khi đưa vào sử dụng đảm bảo chất lượng và quy định <math>\geq 12</math> tháng.</p> <p>Có giải pháp bảo trì và cung cấp vật tư sau bảo hành ít nhất là 01 năm sau khi thực hiện hợp đồng.</p>  | 4          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không nêu hoặc nêu không đúng: 0 điểm.</li> <li>- Có nêu nhưng sơ sài, thiếu: 1 điểm.</li> <li>- Có nêu đầy đủ, tương đối chi tiết: 3 điểm.</li> <li>- Có nêu đầy đủ chi tiết: 4 điểm.</li> </ul>   |            |
| 7.2 | <p>Uy tín của nhà thầu: Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Nhà thầu phải có văn bản cam kết với Chủ đầu tư về nội dung này.</p>  | 4          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu có vi phạm về kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Hoặc Nhà thầu không có Bản cam kết các nội dung này kèm theo: 0 điểm</li> <li>- Nhà thầu kê khai và không vi phạm về kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và Nhà thầu phải có Bản cam kết các nội dung này kèm theo: 4 điểm</li> </ul> |            |
|     | <b>Tổng cộng</b>   | <b>100</b> |  | <b>70</b>  |

Các E-HSĐT có tổng số điểm kỹ thuật đạt thấp hơn 70 điểm hoặc có điểm đánh giá của bất kỳ 1 trong 7 tiêu chí chính (các tiêu chí từ 1 đến 7) thấp hơn điểm yêu cầu tối thiểu của tiêu chí đó sẽ được đánh giá là Không đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật và E- HSĐT đó sẽ không được xem xét đánh giá về tài chính.

Các E-HSDT có tổng số điểm kỹ thuật đạt từ 70 điểm trở lên và có điểm đánh giá của tất cả các tiêu chí chính (các tiêu chí từ 1 đến 7) không thấp hơn điểm yêu cầu tối thiểu của từng tiêu chí đó sẽ được đánh giá là Đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật và E- HSDT đó được tiếp tục xem xét đánh giá về tài chính.

Các tài liệu chứng minh về kỹ thuật, giải pháp thi công, ... phải là bản gốc hoặc bản sao (xuất trình bản gốc khi đối chiếu tài liệu) và được scan đính kèm khi nộp E-HSDT.